TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 09/11/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên và ông Mùa A Phềnh
- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hoà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị Ph; Sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D; Sinh năm: 1990;
Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/7/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lường Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ph và anh Nguyễn Tiến D kết hôn ngày 25/6/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D mắc nghiện ma tuý, không quan tâm đến gia đình. Nay chị Ph xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Lường Nguyễn Tiến D1 sinh ngày 28/7/2016, chị Ph có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu D1; Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Ph có thu nhập 5.000.000 đ/01 tháng đủ để nuôi dưỡng cháu.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D (gửi qua đường bưu điện, niêm yết theo quy định), đã triệu tập anh D đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để

trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Lường Thị Ph có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 03/10/2022 thể hiện nội dung như trình bày trên của chị Ph. Chị Ph có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 29/7/2022 Chị Lường Thị Ph nộp đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Nguyễn Tiến D; Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị Ph có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 12/8/2022 chị Ph được đã nộp tiền tiền tạm ứng án phí và nộp biên lai cho Toà án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Ph theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lường Thị Ph và anh Nguyễn Tiến D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Ph có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1,3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị Ph và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên vào ngày 25/6/2014, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ph, anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D mắc nghiện, không quan tâm đến gia đình. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn như chị Ph trình bày là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh D đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Ph, giải quyết cho ly hôn giữa chị Ph với anh D.

Về con chung: Chị Ph và anh D có một con chung là cháu Lường Nguyễn Tiến D1 sinh ngày 28/7/2016, chị Ph có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu là phù hợp đặc điểm lứa tuổi của cháu. Mặt khác cháu chị Ph cũng có thu nhập 5.000.000 đ / 01 tháng đủ đảm bảo nuôi dưỡng cháu. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Ph, cần căn cứ

các qui định tại điều 58, điều 69, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu D1 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Ph phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, các khoản 1, 3 điều 228, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lường Thị Ph, cho ly hôn giữa chị Lường Thị Ph và anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lường Nguyễn Tiến D1 sinh ngày 28/7/2016 cho chị Lường Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lường Thị Ph phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Ph đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0005030 ngày 12/8/2022, chị Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND HĐB;*
- *UBND xã Chiềng Sinh, H Tuần Giáo;*
- *Chi cục THADS HĐB;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*